

Isa

Chapter 46

Vietnamese Interlinear

Reference: Vietnamese Bible (1934)

לְחַיָּה עֲצָבֵיהֶם הָיוּ נָבוּ קָרְסוּ בָלְבָבָם כָּרַע סוּפָא
cho-loài-thú các-thần-tượng-họ đã-trở-thành Nê-bô quỳ-gối Bên sụp-xuống
[H6091](#) [H1961](#) [H7164](#) [H1078](#) [H3766](#)

לְעוֹפָה: מִשָּׂא עֲמוֹסוֹת נְשֵׂאֵיכֶם וְלִבְהֵמָה
cho-loài-vật-mệt-mỏi gánh-nặng chất-đầy những-vật-các-người-mang và-cho-súc-vật
[H5889](#) [H6006](#) [H5385](#) [H0929](#)

Bên cúi xuống; Nê-bô-khom mình; tượng nó chở trên loài thú, trên súc vật. Những vật mà các người vốn thường khiêng, đè nặng quá, làm cho súc vật mệt nhọc.

מִלֹּט יִקְלוּ לֹא יַחְדָּו כָּרְעוּ קָרְסוּ
cứu-khoài có-thể không-thể cùng-nhau chúng-đều-sụp-xuống chúng-đều-quỳ-gối
[H4422](#) [H3201](#) [H3808](#) [H3766](#) [H7164](#)

ס: הֲלָכָה: בְּשִׁבְיָ וְנִפְשָׁם מִשָּׂא
[ký hiệu] đã-đi vào-chốn-lưu-đày và-chính-chúng gánh-nặng
[H1980](#) [H5315](#)

Chúng nó cúi xuống, cùng nhau khom mình; đã chẳng cứu được gánh nặng của mình, và chính mình lại bị bắt làm phu tù.

מִנִּי- הָעַמִּים יִשְׂרָאֵל בֵּית שְׂאֵרִית וְכָל- יַעֲקֹב בֵּית אֱלֹהֵי שְׁמֵעוּ
từ-trong được-mang Y-sơ-ra-ên nhà dân-sót và-mọi Gia-cốp hỡi-nhà ta hãy-nghe
[H6006](#) [H3478](#) [H7611](#) [H3605](#) [H3290](#) [H0413](#) [H8085](#)

רַחֵם: מִנִּי- הַנְּשָׂאִים בֶּטֶן
lòng-mẹ từ-trong được-bồng bụng
[H5375](#) [H0990](#)

Hỡi nhà Gia-cốp, và hết thầy các người là dân sót của nhà Y-sơ-ra-ên, hãy nghe ta, ta đã gánh vác các người từ lúc mới sanh, bồng-ẵm các người từ trong lòng mẹ.

אֲנִי אֶסְבֵּל אֲנִי שִׁיבָה וְעַד- הוּא זְקֵנָה וְעַד-
ta sẽ-gánh-vác ta tóc-bạc và-cho-đến là-Đấng-đó ta tuổi-già và-cho-đến
[H0589](#) [H5445](#) [H0589](#) [H7872](#) [H5704](#) [H1931](#) [H0589](#) [H2209](#) [H5704](#)

ס: וְאֶמְלֹט: אֶסְבֵּל וְאֲנִי אֲשָׂא וְאֲנִי עָשִׂיתִי
[ký hiệu] và-sẽ-giải-cứu sẽ-gánh-vác và-ta sẽ-mang và-ta đã-làm-nên
[H4422](#) [H5445](#) [H0589](#) [H5375](#) [H0589](#)

Cho đến chừng các người già cả, đầu râu tóc bạc, ta cũng sẽ bồng-ẵm các người. Ta đã làm ra, thì sẽ còn gánh vác các người nữa. Ta sẽ bồng ẵm và giải cứu các người.

וְנִדְמָה: וְתַמְשְׁלוּנִי וְתַשְׁוּוּ תַדְמִיוֹנִי לְמִי
với-ai-để-giống và-ví-ta và-làm-cho-bằng với-ai các-người-muốn-so-sánh-ta
[H1819](#) [H1819](#) [H4310](#)

Các người so sánh ta cùng ai, và coi ta bằng ai? Các người lấy ai đọ với ta, đặng chúng ta được giống nhau?

צֹרֶף וְזָהָב וְכֶסֶף וְכֶסֶף וְכֶסֶף וְכֶסֶף וְכֶסֶף וְכֶסֶף וְכֶסֶף 6
 thợ-vàng họ-thuê họ-cân trên-cân và-bạc từ-túi vàng những-kẻ-đổ-ra
[H6884](#) [H8254](#) [H7070](#) [H3701](#) [H3599](#) [H2091](#) [H2107](#)

וְיַעֲשֶׂהוּ וְיִסְגְּרוּ וְאֶל וְיִשְׁתַּחֲוּוּ וְיִסְגְּרוּ וְאֶל וְיִשְׁתַּחֲוּוּ
 họ-thờ-lạy thật-vậy họ-quỳ-lạy một-thần và-nó-làm-thành
[H7812](#) [H0637](#) [H5456](#) [H0410](#)

Kìa, họ móc vàng trong túi ra, và lấy cân mà cân bạc, thuê thợ vàng dùng mà đúc một thần, với cúi mình thờ lạy.

וְיִשְׂאֶהוּ עַל-כַּתֵּף וְיִסְבְּלֶהוּ וְיַנְיִחֶהוּ וְיַנְיִחֶהוּ וְיַנְיִחֶהוּ וְיַנְיִחֶהוּ וְיַנְיִחֶהוּ 7
 từ-chỗ-nó và-nó-đứng tại-chỗ-nó và-đặt-nó họ-khiêng-nó vai trên họ-vác-nó
[H4725](#) [H5975](#) [H8478](#) [H3240](#) [H5445](#) [H3802](#) [H5375](#)

מִצָּרְתּוֹ לֹא יָמִישׁ אֶת-יַעֲנֵק וְיָמִישׁ אֶת-יַעֲנֵק וְיָמִישׁ אֶת-יַעֲנֵק וְיָמִישׁ אֶת-יַעֲנֵק
 khỏi-cơn-hoạn-nạn đáp nhưng-không cùng-nó người-ta-kêu-cầu thậm-chí dời-đi không
[H3808](#) [H0413](#) [H6817](#) [H0637](#) [H4185](#) [H3808](#)

לֹא יוֹשִׁיעֵנִי: וְיִשְׁעֵנִי: וְיִשְׁעֵנִי: וְיִשְׁעֵנִי:
 [ký hiệu] cứu-được không
[H3467](#) [H3808](#)

Họ vác tượng ấy trên vai, đem đi, đặt vào chỗ nó: thần cứ đứng đó mà không dời khỏi chỗ nó nữa. Nếu có ai kêu cầu, thì thần chẳng trả lời, và không cứu khỏi nạn được.

עַל-פִּוְשָׁיִם וְהִשְׁבִּיבוּ וְהִתְאַשְׁשׁוּ וְהִתְאַשְׁשׁוּ וְהִתְאַשְׁשׁוּ וְהִתְאַשְׁשׁוּ וְהִתְאַשְׁשׁוּ 8
 trong hối-những-kẻ-phản-nghịch hãy-suy-nghĩ-lại và-hãy-vững-lòng điều-này hãy-nhớ
[H6586](#) [H7725](#) [H0377](#) [H2063](#) [H2142](#)

לֵב: לֵב:
 lòng

Hãy nhớ mọi sự đó, hãy rõ ra là đáng trượng phu! Hối kẻ phạm tội, hãy nghĩ lại!

עוֹד וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין 9
 ai-khác và-không-có Đức-Chúa-Trời ta vì từ-muôn-đời những-việc-xưa hãy-nhớ
[H5750](#) [H0369](#) [H0410](#) [H0595](#) [H5769](#) [H7223](#) [H2142](#)

וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין
 giống-như-ta và-không-ai Đức-Chúa-Trời
[H3644](#) [H0430](#)

Hãy nhớ lại những sự ngày xưa; vì ta là Đức Chúa Trời, và chẳng có Chúa nào khác; ta là Đức Chúa Trời, chẳng có ai giống như ta.

מִנִּיד מִנִּיד מִנִּיד מִנִּיד מִנִּיד מִנִּיד מִנִּיד מִנִּיד 10
 Ngài-phán xây-ra chưa những-điều và-từ-xưa kết-cuộc từ-ban-đầu Đấng-rao-báo
[H0559](#) [H3808](#) [H0319](#) [H7225](#) [H5046](#)

וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין וְאֵין
 ta-sẽ-làm-thành ý-muốn-ta và-mọi sẽ-đứng-vững mưu-định-ta
[H2656](#) [H3605](#) [H6098](#)

Ta đã rao sự cuối cùng từ buổi đầu tiên, và đã nói từ thuở xưa những sự chưa làm nên. Ta phán rằng: Mưu của ta sẽ lập, và ta sẽ làm ra mọi sự ta đẹp ý.

	קרא	ממזרח	עוט	מארץ	מרחק	איש	עצתו]	11
	Đãng-gọi	từ-phương-đông	chim-dữ	từ-đất	xa	một-người	[biến thể]	
	H7121	H4217	H5861	H0776	H4801	H0376	H6098	
	אף-	אף-	דברתי	אף-	אביאנה	וצרתי		
	thật-vậy	thật-vậy	ta-đã-phán	thật-vậy	ta-sẽ-đem-đến	ta-đã-hoạch-định		
	H0637	H0637	H1696	H0637	H0935	H3335		
	אף-	אעשנה:	ס					
	thật-vậy	ta-sẽ-làm-thành	[ký hiệu]					
	H0637							

Ta gọi chim ó đến từ phương đông, và gọi người làm mưu ta đến từ xứ xa. Điều ta đã rao ra, ta sẽ làm hoàn thành, điều ta đã định, ta cũng sẽ làm.

	שמעו	אל	אבירי	לב	הרחוקים	מצדקה:	12
	hãy-nghe	ta	hối-những-kẻ-cứng-lòng	lòng	những-kẻ-xa-cách	sự-công-bình	
	H8085	H0413	H0047		H7350	H6666	

Hỡi những người cứng lòng, xa cách sự công bình, hãy nghe ta phán.

	ונתתי	בציון	תשועה	לישראל	תפארתו:	ס	13
	và-ta-sẽ-ban	tại-Si-ôn	sự-cứu-rỗi	cho-Y-sơ-ra-ên	vinh-quang-ta	[ký hiệu]	
	H5414	H6726	H8668	H3478	H8597		
	קרבתי	צדקתי	לא	תרחק	לא	ותשועתי	
	ta-đã-đem-đến-gần	sự-công-bình-ta	sẽ-không	xa	sẽ-không	và-sự-cứu-rỗi-ta	
	H7126	H6666	H3808	H7368	H3808	H8668	
	חמור	לא	חמור	לא	חמור	חמור	
	chậm-trễ	sẽ-không	chậm-trễ	chậm-trễ	chậm-trễ	chậm-trễ	
	H0309	H3808	H0309	H0309	H0309	H0309	

Ta làm cho sự công bình ta đến gần, nó chẳng xa chi, và sự cứu rỗi của ta sẽ chẳng chậm trễ. Ta sẽ đặt sự cứu rỗi trong Si-ôn cho Y-sơ-ra-ên, là sự vinh hiển ta.